

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chính;

Bà Phạm Hồng Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố BH, thị trấn CT, huyện TN, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt);

Nơi đăng ký HKTT: Thôn DQ, xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định;

Nơi ở: Xóm DTT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Qua bạn bè giới thiệu bà có quen biết bà Nguyễn Thị L, ngày 18/6/2021 âm lịch, tại nhà bà, bà đã giao cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 130.000.000 đồng với mục đích để bà L làm ăn kinh doanh. Khi giao tiền cho bà L không có ai chứng kiến. Bà L đã trực tiếp viết và ký nhận vào giấy biên nhận để giao cho bà có nội dung: “Ngày 18/6 (âm lịch) năm 2021, tôi là Nguyễn Thị L nhận tiền của chị P với số tiền là 130.000.000 đồng”. Khi cho vay, hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất cho vay là 1,0%/ tháng. Hết thời hạn vay không thấy bà L trả tiền lãi và gốc, bà đã yêu cầu bà L trả cả tiền gốc và lãi cho bà nhưng bà L không trả. Đến nay bà L vẫn chưa trả cho bà tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận; nay

bà yêu cầu bà L trả cho bà 130.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính từ khi vay ngày 18/6/2021 âm lịch tức ngày 27/7/2021 dương lịch cho khi thực tế trả xong toàn bộ nợ gốc, theo mức lãi 1%/tháng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 04 ngày, bà L phải trả cho bà 17.073.000 đồng tiền lãi, cộng gốc và lãi bà L phải trả cho bà 147.073.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2022 và quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 18/6/2021 âm lịch bà có nhận từ bà Phạm Thị P số tiền 130.000.000 đồng và đã viết giấy biên nhận, nội dung giấy biên nhận như bà P đã trình bày là đúng. Tuy nhiên theo bà số tiền 130.000.000 đồng mà bà nhận từ bà P ngày 18/6/2021 âm lịch không phải là khoản tiền bà vay bà P mà là tiền phường bà nhận từ bà P, do bà P làm chủ phường và bà là người chơi phường. Việc giao nhận tiền được thực hiện ngay tại nhà bà có bà Đỗ Thị N sinh năm 1973, địa chỉ ở Chợ Lạc, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định trực tiếp chứng kiến.

Theo bà, vào tháng 5 năm 2021 bà đã tham gia chơi phường do bà P làm chủ, thời gian bắt đầu từ tháng 5 năm 2021 âm lịch, gồm 13 người chơi nhưng bà không biết có những người nào khác cùng tham gia chơi phường. Theo quy ước, mỗi tháng mỗi người chơi phường phải nộp 10.000.000 đồng cho bà P, người tham gia chơi phường được rút phường theo thứ tự đăng ký với bà P để bà P xấp xếp thứ tự người rút phường. Nếu người nào có nhu cầu rút phường trước thì kể từ tháng kế tiếp của tháng rút phường phải nộp tiền phường tháng trả cho chủ phường mỗi tháng 10.000.000 đồng tiền gốc cố định và kèm theo tiền lãi do rút phường trước với mức lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tổng cả gốc và lãi người rút phường trước phải nộp cho bà P là 12.000.000 đồng cho đến khi thực tế nộp xong toàn bộ tiền phường gốc và lãi của 13 người chơi. Sau khi tham gia chơi phường, bà đã đóng được tiền phường tháng 5 năm 2021 cho bà P là 10.000.000 đồng, đến tháng 6 năm 2021 âm lịch bà chưa có nhu cầu rút phường nhưng bà Đỗ Thị N là bạn của bà P đang nợ tiền bà P đã chủ động đề nghị bà rút phường sớm cho bà N vay lại và bà N nhận trách nhiệm hàng tháng sẽ thay bà nộp tiền phường cả gốc và lãi cho bà P. Bà P cũng chủ động bảo bà rút phường sớm cho bà N vay và bà P đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ nộp phường này từ bà sang bà N. Vì vậy, ngày 18/6/2021 âm lịch, tại nhà bà, bà P đã cầm số tiền 130.000.000 đồng cùng bà N đến nhà bà giao cho bà nhận trước sự chứng kiến của bà N. Ngay sau khi nhận tiền từ bà P, bà đã giao lại cho bà N nhận số tiền 120.000.000 đồng trước sự chứng kiến của bà P, số tiền 10.000.000 đồng còn lại là tiền phường bà đã nộp cho bà P nhận tháng 5/2021 âm lịch thì bà được lấy lại. Sau khi bà N nhận số tiền này, bà N có trả nợ cho bà P hay sử dụng vào mục đích gì thì bà không biết, bà N đã viết giấy biên nhận cho bà thừa nhận đã nhận số tiền 120.000.000 đồng và giao giấy biên nhận cho bà quản lý. Bà xác định số tiền phường bà P giao cho bà được bà P và bà N thống nhất chuyển giao nghĩa vụ từ bà sang cho bà Đỗ Thị N nhận trách nhiệm hàng tháng trả tiền phường gốc và lãi cho bà P kể từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022 là kết thúc phường nên bà không còn nợ nần gì bà P. Bà đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 120.000.000 đồng tiền phường gốc đã nhận từ tháng 6 năm 2021 âm lịch và hàng tháng trả lãi phường cho bà P như đã thoả thuận nếu bà P có yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án được làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 điều 468, khoản 1 điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P; buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Phạm Thị P số tiền gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 136.767.000 đồng; về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.836.000 đồng; bà Phạm Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 515.000 đồng; đề nghị buộc người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành nghĩa vụ theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[2] Căn cứ vào lời trình bày thừa nhận và chứng cứ do các đương sự xuất trình xác định được như sau: Ngày 27/7/2021 (tức ngày 18/6/2021 âm lịch), bà Phạm Thị P đã giao cho bà Nguyễn Thị L nhận số tiền 130.000.000 đồng, bà L đã viết giấy biên nhận tiền và thừa nhận đã nhận số tiền 130.000.000 đồng từ bà P giao cho bà L nhận là đúng. Các bên cũng thống nhất, từ ngày bà L nhận tiền của bà P cho đến nay thì bà L chưa thanh toán cho bà P một khoản tiền nào.

[3] Theo bà P trình bày: Số tiền bà giao cho bà L nhận là khoản tiền bà cho bà L vay để làm ăn kinh doanh. Khi cho vay, hai bên có thoả thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất cho vay là 1,0%/ tháng. Hết thời hạn vay không thấy bà L trả tiền lãi và gốc, bà đã yêu cầu bà L trả cả tiền gốc và lãi cho bà nhưng bà L không trả. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 130.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính từ khi vay ngày 18/6/2021 âm lịch tức ngày 27/7/2021 dương lịch cho khi thực tế trả xong toàn bộ nợ gốc, theo mức lãi 1%/tháng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 04 ngày, bà L phải trả cho bà 17.073.000 đồng tiền lãi, cộng gốc và lãi bà L phải trả cho bà 147.073.000 đồng. Tuy nhiên bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh về lãi suất và thời hạn trả nợ như nội dung bà đã trình bày trình bày.

[4] Bà L cho rằng số tiền đã nhận từ bà P là do bà chơi phường do bà P làm chủ, gồm có 13 người chơi, thời hạn chơi phường là 13 tháng bắt đầu từ tháng 5

năm 2021; khi tham gia chơi phường, bà đã đóng được tiền phường tháng 5 năm 2021 cho bà P là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo bà L trình bày thì bà không biết những người tham gia chơi phường cùng bà, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà đã nộp cho bà P 10.000.000 đồng tiền phường, không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền bà nhận từ bà P 130.000.000 đồng vào ngày 27/7/2021 là tiền rút phường; trong khi bà đã thừa nhận có nhận tiền từ bà P vào ngày 27/7/2021 với số tiền 130.000.000 đồng là có thật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định số tiền 130.000.000 đồng bà L nhận được từ bà P ngày 27/7/2021 xuất phát từ quan hệ vay tài sản giữa bà P là bên cho vay và bà L là bên đi vay. Việc xác lập quan hệ vay tài sản giữa bà P và bà L là tự nguyện, được thực hiện bởi người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, làm phát sinh hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Vì vậy khoản tiền 130.000.000 đồng bà Nguyễn Thị L nhận từ bà Phạm Thị P vào ngày 27/7/2021 đến nay chưa trả là khoản tiền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, không lãi và không kỳ hạn phải chịu sự điều chỉnh của các quy định có liên quan tại Bộ luật Dân sự.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo bà P trình bày nhiều lần bà yêu cầu bà L trả nợ nhưng không thành, xong không có căn cứ nào xác định thời điểm phát sinh tranh chấp, trong khi nội dung văn bản biên nhận không xác định thời hạn và lãi suất, vì vậy Hội đồng xét xử xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 22/02/2022 bà P nộp đơn khởi kiện. Vì vậy bà L có nghĩa vụ trả nợ gốc 130.000.000 đồng và chỉ phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 10 %/ năm, tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2022 là 190 ngày với số tiền lãi là 6.767.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 điều 468, khoản 1 điều 469 của Bộ luật dân sự; tổng gốc và lãi bà L phải trả cho P là 136.767.000 đồng;

[7] Về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ: Theo bà L trình bày, trước khi nhận số tiền từ bà P, bà và bà P cùng bà Đỗ Thị N đã thống nhất bà nhận tiền từ bà P để giao lại cho bà Đỗ Thị N nhận và bà N có nghĩa vụ trả nợ phường với bà P; vì vậy ngày 27/7/2021 (18/6 âm lịch) ngay sau khi bà P giao cho bà nhận số tiền 130.000.000 đồng, trước sự chứng kiến của bà P bà đã giao lại cho bà Đỗ Thị N nhận số tiền 120.000.000 đồng, bà giữ lại 10.000.000 đồng là tiền phường đã đóng trước cho bà P vào tháng 5 năm 2021 âm lịch, bà Đỗ Thị N đã viết giấy biên nhận cho bà thừa nhận đã nhận từ bà số tiền 120.000.000 đồng; vì vậy đến nay bà không nợ bà P mà số tiền bà P giao cho bà đã được chuyển giao quyền sở hữu và chuyển giao nghĩa vụ cho bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị N có trách nhiệm trả cho bà P toàn bộ số tiền gốc và lãi suất kèm theo nếu bà P có yêu cầu.

Bà Phạm Thị P không thừa nhận có thoả thuận với bà N và bà L về việc chuyển nghĩa vụ từ bà L sang cho bà N đối với số tiền bà cho bà L vay; nay bà không chấp nhận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà từ bà L sang cho bà N.

Bà P và bà L thống nhất xác định bà P đã giao cho bà L nhận số tiền 130.000.000 đồng và bà L viết ngay giấy biên nhận nhận tiền ghi ngày 18/6/2021 âm lịch. Theo Bà L trình bày khi bà P giao tiền cho bà nhận tại nhà bà thì bà Đỗ Thị N có mặt chứng kiến sự việc, đồng thời cũng ngay sau khi nhận tiền từ bà P bà

đã giao lại cho bà N nhận số tiền 120.000.000 đồng trước sự chứng kiến của bà P, bà N cũng viết ngay giấy biên nhận cho bà L; tuy nhiên bà P trình bày, địa điểm bà giao tiền cho bà L nhận là tại nhà bà và không có ai chứng kiến, bà cũng không chứng kiến việc bà L giao tiền cho bà N. Xem xét “Giấy vay tiền” do bà L xuất trình có nội dung “*hôm nay ngày 12/6/2021 âm lịch, tôi là Đỗ Thị N ở Chợ Lạc, VH-TN-NĐ có vay của cô L ở Nam Thanh 120.000.000 đồng*”, bà L khẳng định đây là giấy vay tiền do bà Đỗ Thị N tự tay viết và ký nhận về khoản tiền giao nhận nêu trên. Như vậy giao dịch giữa bà L và bà N xảy ra trước (ngày 12/6/2021 âm lịch) thời điểm diễn ra giao dịch giữa bà P và bà L (ngày 18/6/2021 âm lịch), hai khoản tiền này không liên quan với nhau.

Xem xét bản ghi âm cuộc hội thoại, đã được bà L chuyển hoá thành văn bản do bà L xuất trình làm căn cứ chứng minh việc chuyển giao nghĩa vụ, tuy cuộc hội thoại có nội dung liên quan đến bà P về khoản tiền tranh chấp, song đây chỉ là cuộc hội thoại giữa bà N và bà L, không có nội dung bà N nhận nghĩa vụ trả nợ thay bà L, vì vậy không phải là chứng cứ chứng minh việc chuyển giao nghĩa vụ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ xác định có sự đồng thuận của bà P về việc chuyển giao nghĩa vụ như bà L trình bày; Vì vậy bà L là người trực tiếp có nghĩa vụ trả nợ cho bà P số nợ đã được kết luận nêu trên. Về số tiền 120.000.000 đồng bà N nhận của bà L không liên quan đến vụ án này, sau này nếu bà L và bà N có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của mình không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bà L phải nộp: $136.767.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.838.000 \text{ đồng}$, bà Phạm Thị P phải nộp: $(147.073.000 \text{ đồng} - 136.767.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 515.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 điều 468, khoản 1 điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Phạm Thị P số tiền gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 136.767.000 đồng.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.838.000 đồng. Bà Phạm Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 515.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 3.250.000 đồng bà P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định theo biên lai thu tiền số 0004593 ngày 30/3/2022, hoàn trả bà Phạm Thị P số tiền 2.735.000 đồng.

2. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, tuyên xử: Kể từ ngày án có hiệu lực (đối với khoản cơ quan Thi hành án dân sự chủ động thi hành) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị P, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Minh

Trần Xuân Chính

Trần Văn Thi